

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**  
Bản án số: 77/2018/HSPT  
Ngày 05-9-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Vân.

*Các Thẩm phán:*

Ông Phan Văn Huyện;

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Vân- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 68/2018/TLPT-HS ngày 31-7-2018 đối với bị cáo Lê Văn L do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 12/2018/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*- Bị cáo có kháng cáo:*

Lê Văn L, sinh năm 1990, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Số Ấp Hậu P, xã Hậu Mỹ B, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị N; Vợ là chị Lê Thị L1 và 03 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 29-12-2017. Bị cáo được tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người tham gia tố tụng khác liên quan đến kháng cáo:*

Bị hại: Chị Trần Thị C, sinh năm 1966 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 3, xã Mỹ Thành B1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 29-4-2017 Lê Văn L đi đến nhà chị Trần Thị C để đòi tiền chị C đã vay của L. Khi đến nhà chị C, L gặp anh Châu Việt H (chồng chị C) để hỏi về việc chị C chưa trả tiền nợ, trong lúc nói chuyện L có phần hơi lớn tiếng nên chị

C nói “mới sáng sớm đến quây thì làm sao buôn bán gì được”. Nghe vậy, L dùng tay đập xuống bàn làm rơi thùng nhựa đựng nước loại 20 lít xuống đất, thấy vậy chị C dùng cái mâm ném về hướng L nhưng không trúng, lúc này L dùng tay phải cầm cái thùng có đựng nước và nước đá bằng nhựa cứng để cho khách uống nước ở tại quán ném vào mặt chị C, trúng trán phải gây thương tích, rồi L bỏ về nhà. Chị C được anh H đưa đi bệnh viện cấp cứu và điều trị.

Đến ngày 08/5/2017 bị hại Trần Thị C có đơn yêu cầu xử lý bị cáo Lê Văn L theo quy định pháp luật (bl 03).

Tang vật thu giữ gồm: 01 bình nhựa (loại phích chứa đá) màu xanh có nhãn hiệu WONDERFNL, chiều cao 28 cm, mặt đường kính 27 cm, đáy đường kính 18 cm, trọng lượng 840 gram.

Theo giấy y chứng số 166/2017 ngày 09-5-2017 của Bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh Tiền Giang xác định chị Trần Thị C có thương tích sau:

Vết thương trán phải khoảng 08 cm, sưng bầm mắt phải, bầm cánh tay phải kích thước 2x2cm.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 248/2017/TgT ngày 18-7-2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận: Trần Thị C bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 11% ảnh hưởng thẩm mỹ.

Về trách nhiệm dân sự chị C yêu cầu Lê Văn L phải bồi thường các chi phí:

- Tiền xe đi cấp cứu từ nhà đến Bệnh viện: 750.000 đồng x 2 = 1.500.000 đồng;

- Tiền xe chuyển đi cấp cứu từ Bệnh viện về nhà: 500.000 đồng x 2 = 1.000.000 đồng;

- Tiền ăn: 200.000 đồng x 7 ngày x 2 người = 2.800.000 đồng;

- Tiền viện phí 2.718.561 đồng;

- Tiền mua thuốc thêm 400.000 đồng;

- Thiệt hại thực phẩm đã mua: 2.000.000 đồng;

- Thu nhập hàng ngày của chị C và anh H (người nuôi bệnh): 45 ngày x 200.000 đồng x 2 người = 18.000.000 đồng;

- Tổng thất tinh thần 180.000.000 đồng.

Tổng giá trị thiệt hại chị C yêu cầu L bồi thường với số tiền 207.000.000 đồng nhưng L chỉ đồng ý bồi thường số tiền 10.000.000 đồng nên chị C không đồng ý. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã nộp số tiền 10.000.000 đồng, số tiền này hiện nay Chi cục thi hành án dân sự huyện C đang quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng vụ án ngày 19-3-2018.

Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2018/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 134; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12-5-2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội

- Xử phạt bị cáo Lê Văn L 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.  
Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 590; Điều 591 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Văn L có trách nhiệm bồi thường cho chị Trần Thị C số tiền 63.618.561 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Tiếp tục tạm giữ số tiền bị cáo đã nộp là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để đảm bảo thi hành án (số tiền hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang đang quản lý, theo quyết định chuyển vật chứng số 08/QĐ-VKS-HS ngày 19-3-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang và biên bản giao, nhận vật chứng vụ án ngày 19-3-2018).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

\* Ngày 15-5-2018, bị cáo Lê Văn L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo và giảm mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Văn L vẫn giữ nguyên nội dung trong đơn kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn L trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo L cùng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên xử phạt bị cáo L 9 tháng tù là phù hợp; Về trách nhiệm dân sự : bị cáo xin giảm mức bồi thường nhưng không cung cấp thêm tình tiết mới nào để xem xét nên không có cơ sở chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai người làm chứng, người bị hại, tang vật thu được cùng với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện vào khoảng 07 giờ sáng ngày 29-4-2017, Lê Văn L đến nhà chị Trần Thị C để đòi tiền nợ nhưng phía gia đình chị C chưa có tiền trả nên giữa đôi bên phát sinh mâu thuẫn, lúc này L cầm cái thùng nước đá bằng nhựa ở tại quán ném vào mặt chị C gây thương tích ở trán với tỷ lệ thương tật là 11%, ảnh hưởng thẩm mỹ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 29-4-2017 là trước ngày BLHS năm 2015 có hiệu lực nên lẽ ra phải áp dụng khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999 để xử lý mới đúng. Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 41 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì những qui định nào có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả hành vi phạm tội đã thực hiện trước 0 giờ 00 phút ngày 01-01-2018. Do khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bỏ tình tiết định khung gây cố tật nhẹ cho nạn nhân quy định tại điểm b khoản 1 điều 104 BLHS năm 1999 là có lợi cho bị cáo nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*cố ý gây thương tích*” theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm đối với xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân xử phạt bị cáo mức án 09 tháng tù là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nên không có cơ sở xem xét giảm nhẹ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: sau khi có bản án sơ thẩm bị cáo đã tiếp tục tự nguyện nộp thêm tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại, thể hiện bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải về hành vi nông nổi, tức thời của mình. Nguyên nhân sâu xa của hành vi phạm tội, xuất phát từ việc bị hại còn thiếu nợ nhưng hèn mà không trả. Bị cáo phạm tội hoàn toàn do bị ức chế nhất thời mà không hề có sự chuẩn bị trước. Có đến 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1; và một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Không có tình tiết tăng nặng; Bản thân của bị cáo từ trước đến nay chấp hành tốt chủ trương chính sách, pháp luật của nhà nước; ngoài lần phạm tội này không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác. Có nơi cư trú rõ ràng nên bị cáo có đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin hưởng án treo của bị cáo, sửa án sơ thẩm.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm một phần trách nhiệm dân sự về bồi thường thiệt hại của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Qua xem xét các khoản bồi thường thiệt hại cho chị C được cấp sơ thẩm chấp nhận có một số điểm

chưa phù hợp cụ thể là:

- Tiền ăn cho người bệnh và người nuôi bệnh là chưa thỏa đáng, bởi lẽ bình thường mọi người ai cũng phải ăn. Tiền ăn cho người bệnh phải xác định lại là tiền bồi dưỡng sức khỏe cho người bị hại do bị gây thương tích mới là phù hợp nên chấp nhận. Tiền ăn cho người nuôi bệnh 700.000 đồng là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

- Về tiền bồi thường do thu nhập lao động bị mất, cấp sơ thẩm chấp nhận cho bà C đến 30 ngày là quá nhiều, bởi lẽ vết thương của chị ở trán không ảnh hưởng đến việc lao động, và cũng không có chỉ định của bác sĩ cho nghỉ ngơi sau điều trị nên chỉ chấp nhận 15 ngày là 3.000.000 đ (200.000 đ X 15 ngày); Đối với ông H, cấp sơ thẩm chấp nhận cho ông 14 ngày mất thu nhập lao động trong khi ông nuôi bệnh thực tế chỉ có 7 ngày nên cần điều chỉnh lại cho đúng là 1.400.000 đ (200.000 đ X 7 ngày).

- Đối với phần bồi thường thiệt hại về tinh thần cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật không đúng cụ thể là: Trong vụ án này chị C chỉ bị thương tật với tỷ lệ chỉ 11% nên phải áp dụng khoản 2 Điều 590 BLDS có mức bồi thường tổn thất về tinh thần tối đa chỉ là 50 tháng lương tối thiểu mới đúng, nhưng cấp sơ thẩm lại áp dụng điều luật dành cho trường hợp bị hại bị chết quy định tại khoản 2 Điều 591 BLDS có mức bồi thường tối đa lên đến 100 tháng lương tối thiểu là bất lợi cho bị cáo nên cần xem xét lại. Xét cấp sơ thẩm xác định tỷ lệ bồi thường về tinh thần cho bị hại trên cơ sở lỗi của bị cáo chỉ là 36% (36 tháng : 100 tháng X 100%) là chưa phù hợp. Trong vụ án này bị cáo là người có lỗi nhiều hơn bị hại. Qua căn nhắc, HĐXX thống nhất mức độ lỗi của bị cáo là 60%, nên mức bị cáo phải bồi thường cho bị hại theo điều 590 là **39.000.000 đ** (1.300.000 đ X 50 tháng X 60%).

Như vậy tổng cộng các khoản chi phí bị cáo phải bồi thường cho chị C là: 50.718.561 đ (tiền thuốc 3.118.561 đ + tiền xe 4 lượt là 2.500.000 đ + tiền thực phẩm bị hư 1.000.000 đ + tiền ăn cho chị C 700.000 đ + tiền mất thu nhập của chị C 3.000.000 đ + tiền mất thu nhập lao động ông H 1.400.000 đ + tiền tổn thất tinh thần là 39.000.000 đ). Bị cáo đã nộp được tổng cộng 20.000.000 đ (Trong đó 10.000.000 đ hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang đang quản lý, theo quyết định chuyên vật chứng số 08/QĐ-VKS-HS ngày 19-3-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang và biên bản giao, nhận vật chứng vụ án ngày 19-3-2018, và 10.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Cục thi hành án tỉnh Tiền Giang theo biên lai số 000773 ngày 30/8/2018), nên bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 31.418.561 đồng (51.418.561 đ – 20.000.000 đ).

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Văn L.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 12/2018/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

- Áp dụng 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của HĐPTAND Tối cao.

- Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn L 09 (chín) tháng tù**, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng, tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Hậu Mỹ B, huyện C, tỉnh Tiền Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 590 BLDS, buộc bị cáo Lê Văn L có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho chị Trần Thị C số tiền 31.418.561 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Chị C được nhận số tiền 20.000.000 đ bị cáo đã nộp gồm: 10.000.000 đ hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang đang quản lý theo quyết định chuyển vật chứng số 08/QĐ-VKS-HS ngày 19-3-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang và biên bản giao, nhận vật chứng vụ án ngày 19-3-2018; và 10.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Cục thi hành án tỉnh Tiền Giang theo biên lai số 000773 ngày 30-8-2018 ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị **Trần Thị C** có đơn yêu cầu Thi hành án, mà bị cáo chưa thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường số tiền còn lại nói trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo Lê Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo phải chịu 1.570.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CATG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thanh Vân**